
NHẬN DIỆN HÀNH VI THAO TÚNG LỢI NHUẬN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT THÔNG QUA KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Lê Thị Thu Hà

Học viện Ngân hàng

Email: lethithuha@gmail.com

Bùi Thị Thủy

Học viện Ngân hàng

Email: thuybt@hvn.edu.vn

Ngày nhận: 18/12/2020

Ngày nhận bản sửa: 28/01/2021

Ngày duyệt đăng: 05/3/2021

Tóm tắt:

Thao túng lợi nhuận là hành vi của nhà quản lý doanh nghiệp nhằm trình bày sai lệch thông tin lợi nhuận trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Một trong những cơ sở nhận diện hành vi thao túng lợi nhuận là ý kiến kiểm toán của kiểm toán viên độc lập đối với báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Căn cứ vào ý kiến kiểm toán và sự chênh lệch số liệu trên báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán, người sử dụng thông tin có thể nhận biết hành vi thao túng lợi nhuận trên báo cáo tài chính. Nghiên cứu này quan sát thực tế nhằm nhận diện hành vi thao túng lợi nhuận trên báo cáo tài chính các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trong thời kỳ từ năm 2015 đến năm 2019 dựa trên kết quả kiểm toán. Kết quả chỉ ra rằng có dấu hiệu của hành vi thao túng lợi nhuận trên các báo cáo tài chính nhận được ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần; và các báo cáo tài chính có chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán.

Từ khóa: Báo cáo tài chính, chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán, thao túng lợi nhuận, ý kiến kiểm toán.

Mã JEL: M41, M42.

Identification of earnings management behavior on the financial statements of listed firms based on audit outcomes

Abstract:

Earnings management is an intentional act by management to misrepresent reported earnings in a company's financial statements. A method to identify earnings management is through the audit opinion given by the independent auditor. Basing on the audit opinion and the differences between the audited and unaudited financial statements, users may identify a firm's earnings management. This research aims at identifying the earnings management behavior of Vietnamese listed firms in the period from 2015 to 2019, based on audit outcomes. The results show that the behavior of earnings management exists in the audited financial statements with qualified opinions; and there are data differences between audited and unaudited financial statements.

Keywords: Audit opinion, data differences between audited and unaudited financial statements, earnings management, financial statements.

JEL Codes: M41, M42.

1. Giới thiệu

Thao túng lợi nhuận được hiểu là hành vi của nhà quản lý doanh nghiệp nhằm trình bày sai lệch thông tin về lợi nhuận trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Theo Healy & Wahlen (1999), thao túng lợi nhuận (earnings management) được hiểu là hành vi xảy ra khi nhà quản lý sử dụng những xét đoán mang tính chủ quan của họ trong quá trình lập báo cáo tài chính và trong thiết kế các giao dịch để thay đổi báo cáo tài chính nhằm làm cho các bên liên quan hiểu sai về kết quả hoạt động thực của doanh nghiệp, hoặc nhằm tác động đến các kết quả hợp đồng phụ thuộc vào số liệu trên báo cáo kế toán. Hành vi thao túng lợi nhuận làm thay đổi số liệu kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm đạt một mục tiêu nào đó của nhà quản lý như để phát hành cổ phiếu, huy động vốn vay, hoặc vì lợi ích cá nhân của nhà quản lý. Do đó, làm giảm chất lượng thông tin kế toán và gây lo ngại cho nhà đầu tư và các bên liên quan khi sử dụng báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong những năm qua đã đạt được các bước phát triển lớn thông qua sự gia tăng số lượng doanh nghiệp niêm yết và giá trị các giao dịch kinh tế. Tuy nhiên, chất lượng báo cáo tài chính vẫn là một vấn đề gây lo ngại cho nhà đầu tư, với các vụ gian lận được phát hiện như Bông Bạch Tuyết, Dược Viễn Đông, Gỗ Trường Thành... Vấn đề đặt ra là liệu báo cáo tài chính các doanh nghiệp niêm yết, trong đó có chỉ tiêu lợi nhuận, có hiện tượng bị thao túng hay không. Có nhiều phương pháp khác nhau để nhận diện hành vi thao túng báo cáo tài chính, ví dụ như việc sử dụng các phương pháp chấm điểm, mô hình hồi qui, hoặc nghiên cứu định tính... Trong khuôn khổ của nghiên cứu này, nhóm tác giả nhận diện hành vi thao túng lợi nhuận dựa trên ý kiến kiểm toán của kiểm toán viên độc lập với báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Kiểm toán là hoạt động nhằm gia tăng độ tin cậy của thông tin trên báo cáo tài chính, trong đó kiểm toán viên đưa ra ý kiến nhận xét về tính trung thực hợp lý của thông tin trên báo cáo tài chính. Dựa trên ý kiến kiểm toán và sự chênh lệch số liệu trên báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán, người sử dụng thông tin có thể nhận biết hành vi thao túng lợi nhuận trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp. Theo đó, nghiên cứu này quan sát thực tế để nhận diện hành vi thao túng lợi nhuận trên báo cáo tài chính các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trong giai đoạn 2015-2019 dựa trên các ý kiến kiểm toán và sự thay đổi số liệu trên báo cáo tài chính các doanh nghiệp niêm yết trước và sau kiểm toán.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Hành vi quản trị lợi nhuận

Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết là nguồn thông tin quan trọng để các nhà đầu tư, ngân hàng, đối tác của doanh nghiệp sử dụng để đưa ra các quyết định kinh tế như đầu tư, cho vay... Trong đó, chỉ tiêu lợi nhuận được coi là một chỉ tiêu rất quan trọng thường nhận được sự quan tâm lớn của nhà đầu tư (Francis & cộng sự, 2005). Vì vậy, một số doanh nghiệp có xu hướng trình bày sai lệch thông tin lợi nhuận trên báo cáo tài chính để thu hút các nhà đầu tư. Một số biện pháp thao túng lợi nhuận trên báo cáo tài chính bao gồm:

Điều chỉnh doanh thu

Điều chỉnh doanh thu có thể được thực hiện bằng các kỹ thuật như ghi nhận doanh thu sai kỳ kế toán, hoặc khi doanh nghiệp chưa chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến hàng hóa hoặc dịch vụ cho người mua nhưng doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu. Hoặc ghi nhận doanh thu từ các giao dịch bán hàng ảo bằng cách tạo ra các nghiệp vụ bán hàng hay cung cấp dịch vụ với các bên liên quan.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp có thể tăng doanh thu thông qua các chính sách giá hoặc chính sách tín dụng như giảm giá bán hoặc nói lỏng các điều kiện tín dụng nhằm tăng lượng hàng bán trong những tháng cuối năm tài chính. Ngoài việc giảm giá bán thì biện pháp công bố tăng giá bán vào đầu năm sau cũng là một trong những biện pháp thúc đẩy bán hàng. Khi doanh nghiệp công bố tăng giá bán vào năm sau sẽ có nhiều khách hàng sẽ mua hàng thêm để dự trữ. Điều này dẫn đến doanh thu bán hàng những tháng cuối năm sẽ tăng.

Điều chỉnh chi phí

Để lập báo cáo tài chính, kế toán cần sử dụng nhiều ước tính kế toán như ước tính các khoản dự phòng, khấu hao tài sản cố định, chi phí phải trả... Các ước tính này phụ thuộc rất nhiều vào kinh nghiệm và kiến thức cũng như đạo đức của những người lập báo cáo tài chính. Vì vậy, những ước tính này rất dễ bị lợi dụng để làm sai lệch các thông tin về doanh thu và chi phí; kết quả là làm cho lợi nhuận bị thay đổi (thao túng lợi

nhuận). Ví dụ, các doanh nghiệp có thể bỏ qua không trích lập các khoản dự phòng hoặc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng phải thu khó đòi thấp hơn mức thực tế... Hay như chi phí khấu hao, doanh nghiệp chỉ cần thay đổi thời gian khấu hao của tài sản, từ đó chi phí khấu hao trong mỗi năm sẽ tăng, giảm tùy theo.

Trì hoãn hoặc đẩy nhanh thanh lý tài sản và các khoản đầu tư cũng là biện pháp làm thay đổi chi phí. Bởi thanh lý tài sản có thể đem lại một khoản lỗ/lãi cho công ty trong năm hiện tại. Do đó, nếu lợi nhuận trong năm hiện tại có nguy cơ không đạt được mức kỳ vọng của thị trường, lãnh đạo công ty có thể trì hoãn hoặc đẩy nhanh thanh lý tài sản, mặc dù điều đó có thể gây thiệt hại cho công ty như làm phát sinh chi phí bảo quản hoặc giảm lợi ích thu được trong tương lai từ tài sản. Ngoài ra, các doanh nghiệp có thể điều chỉnh sản lượng hoặc cắt giảm, trì hoãn các khoản mục chi phí nghiên cứu triển khai để có đạt mức chi phí, lợi nhuận mong muốn (Roychowhury, 2006).

2.2. Nhận diện hành vi thao túng lợi nhuận qua kết quả kiểm toán

Kiểm toán báo cáo tài chính của các doanh nghiệp là cơ chế quản trị giúp gia tăng độ tin cậy của các báo cáo tài chính. Theo quy định, báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết phải được kiểm toán độc lập hàng năm. Các hành vi thao túng báo cáo tài chính vi phạm chuẩn mực và chế độ kế toán có thể được phát hiện trong quá trình kiểm toán và có tác động đến ý kiến kiểm toán do kiểm toán viên phát hành. Theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 200 (VSA 200), mục tiêu tổng thể của kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khi thực hiện một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính là có được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn hay không, qua đó giúp kiểm toán viên đưa ra ý kiến về việc liệu báo cáo tài chính có được lập phù hợp với quy định về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng, trên các khía cạnh trọng yếu hay không. Cuộc kiểm toán làm tăng độ tin cậy của thông tin trên báo cáo tài chính thông qua việc kiểm toán viên đưa ra ý kiến nhận xét về khía cạnh trung thực, hợp lý của các báo cáo tài chính.

Khi thực hiện kiểm toán, nếu phát hiện các sai sót trọng yếu, kiểm toán viên cần trao đổi với ban giám đốc đơn vị được kiểm toán và đề xuất các bút toán điều chỉnh thích hợp. Nếu đơn vị đồng ý điều chỉnh, kiểm toán viên có thể đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Trong trường hợp này, báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán sẽ có những chênh lệch do các bút toán điều chỉnh. Nếu đơn vị được kiểm toán không đồng ý điều chỉnh, kiểm toán viên có thể đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ hoặc trái ngược tùy theo mức độ nghiêm trọng và phạm vi của sai sót.

Theo VSA 700 và VSA 705, báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính có hai loại ý kiến kiểm toán là: (i) ý kiến chấp nhận toàn phần; và (ii) ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần. Ý kiến chấp nhận toàn phần được sử dụng trong trường hợp kiểm toán viên kết luận rằng báo cáo tài chính đã được lập trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với quy định/khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng. Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính trong trường hợp báo cáo tài chính còn có các sai sót trọng yếu, hoặc kiểm toán viên không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp.

Như vậy, thông qua ý kiến kiểm toán, người sử dụng báo cáo tài chính có thể nhận diện được các báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu liên quan đến hành vi thao túng báo cáo tài chính trong các trường hợp: (i) Báo cáo tài chính đã kiểm toán nhận được ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần do có các sai sót trọng yếu; hoặc (ii) Báo cáo tài chính trước kiểm toán có chênh lệch với báo cáo tài chính sau kiểm toán. Trong trường hợp (i), người sử dụng báo cáo tài chính có thể nhận diện hành vi thao túng lợi nhuận dựa trên các thông tin kiểm toán viên trình bày trong đoạn cơ sở của ý kiến kiểm toán. Theo VSA 705, khi đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, trái ngược hoặc từ chối, kiểm toán viên phải trình bày trong báo cáo kiểm toán lý do khiến họ phát hành các ý kiến này. Nếu nguyên nhân phát hành ý kiến ngoại trừ hay trái ngược là các sai sót trong việc ghi nhận doanh thu hay chi phí, đó có thể là dấu hiệu của việc điều chỉnh lợi nhuận. Trong trường hợp (ii), người sử dụng báo cáo tài chính có thể nhận biết hành vi điều chỉnh lợi nhuận nếu lợi nhuận trước kiểm toán và sau kiểm toán có chênh lệch trọng yếu, ví dụ lợi nhuận sau kiểm toán giảm so với trước kiểm toán có thể là dấu hiệu của việc điều chỉnh tăng lợi nhuận trước kiểm toán.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để nhận diện hành vi thao túng lợi nhuận thông qua kết quả kiểm toán, trước tiên nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập thông tin về ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) trong khoảng thời gian 2015-2019 từ cơ sở dữ liệu

S&P Capitaliq. Các công ty được phân loại dựa trên hai loại ý kiến kiểm toán: ý kiến chấp nhận toàn phần và ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần.

Tiếp theo nhóm nghiên cứu thu thập báo cáo tài chính đã kiểm toán của các doanh nghiệp có ý kiến không phải ý kiến chấp nhận toàn phần trong ba năm gần nhất (2017-2019) để tìm hiểu lý do kiểm toán viên phát hành loại ý kiến kiểm toán này. Lý do của ý kiến kiểm toán không phải là chấp nhận toàn phần được lấy từ

Bảng 1: Thông kê mẫu nghiên cứu theo ngành

Ngành	2015	2016	2017	2018	2019	Tổng cộng
Vật liệu	45	46	47	47	47	232
Công nghiệp và xây dựng	58	58	61	60	61	298
Vận tải	24	25	25	25	25	124
Hàng tiêu dùng	35	35	35	35	35	175
Tiện ích	19	19	20	20	20	98
Bất động sản	33	37	37	37	37	181
Khác	58	59	62	64	71	314
Tổng cộng	272	279	287	288	296	1.422

Nguồn: Dữ liệu được thu thập từ cơ sở dữ liệu S&P Capitaliq.

đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán trên báo cáo kiểm toán. Từ đó, nhóm nghiên cứu phân tích cơ sở của ý kiến ngoại trừ để nhận biết liệu có hành vi thao túng hay không.

Đồng thời, nhóm nghiên cứu tìm kiếm thông tin về các báo cáo tài chính có chênh lệch đáng chú ý trước và sau kiểm toán để nhận diện các báo cáo tài chính có thể có hành vi thao túng báo cáo tài chính (trước kiểm toán).

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Nhận biết thao túng lợi nhuận qua các ý kiến kiểm toán

Ý kiến kiểm toán của các doanh nghiệp niêm yết không bao gồm các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, ngân hàng, tài chính được tổng hợp dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Bảng 2 cho thấy có khoảng trên 93% các báo cáo tài chính nhận được ý kiến chấp nhận toàn phần, dưới 7% báo cáo kiểm toán nhận ý kiến không phải là chấp nhận toàn phần. Trong các ý kiến không phải là chấp nhận toàn phần thu thập từ cơ sở dữ liệu đều là các ý kiến dạng ngoại trừ. Như vậy, ý kiến chấp nhận toàn

Bảng 2: Thông kê loại ý kiến kiểm toán, giai đoạn 2015-2019

Ý kiến kiểm toán	2015		2016		2017		2018		2019	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Chấp nhận toàn phần	255	93,75	261	93,55	275	95,82	270	93,75	276	93,25
Không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần	17	6,25	18	6,45	12	4,18	18	6,25	20	6,75
Tổng	272	100	279	100	287	100	288	100	296	100

Nguồn: Dữ liệu được thu thập từ cơ sở dữ liệu S&P Capitaliq.

phần chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số các ý kiến kiểm toán.

Tiếp theo, nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập báo cáo tài chính đã kiểm toán của các doanh nghiệp có ý kiến ngoại trừ trong ba năm gần nhất (2017-2019) để tìm hiểu lý do kiểm toán viên phát hành ý kiến ngoại trừ với các doanh nghiệp này.

Bảng 3 cho thấy việc không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp là lý do phổ biến khiến kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Trong đó, thường gặp nhất là không thu được bằng chứng kiểm toán cho các khoản phải thu, phải trả (25-50% các trường hợp), không thu được bằng chứng làm cơ

Bảng 3: Thống kê cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, giai đoạn 2017-2019

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ	2017		2018		2019	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp						
Không thu thập được bằng chứng kiểm toán cho công nợ phải thu, phải trả	6	50	6	33,3	5	25
Không thu thập được bằng chứng liên quan đến việc ghi nhận doanh thu, chi phí	2	16,7	4	22,2	6	30
Không xác định được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho, khả năng thu hồi phải thu	2	16,7	3	16,7	3	15
Không thu thập được bằng chứng liên quan đến các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	1	8,4	1	5,6	3	15
Không tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản	1	8,4	2	11,1	3	15
2. Báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu						
Ghi nhận doanh thu không đúng qui định theo chuẩn mực kế toán	1	8,4	2	11,1	2	10
Ghi nhận chi phí không đúng qui định theo chuẩn mực kế toán	3	25	2	11,1	4	20
Không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, phải thu			1	5,6	1	5
3. Nguyên nhân khác						
	3	25	3	16,7	3	15
Tổng cộng	12	100	18	100	20	100

Nguồn: Dữ liệu được thu thập từ cơ sở dữ liệu S&P Capitaliq. Số liệu không bao gồm các công ty trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bảo hiểm.

sở cho việc ghi nhận doanh thu, chi phí (16-30% các trường hợp). Các trường hợp phát hành ý kiến ngoại trừ do báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu ít phổ biến hơn, trong đó sai sót do ghi nhận chi phí không phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (11-25%) phổ biến hơn sai sót do ghi nhận doanh thu không phù hợp (8-11%). Một số trường hợp điển hình các doanh nghiệp ghi nhận doanh thu, chi phí chưa phù hợp chuẩn mực kế toán, hoặc chưa trích lập đủ dự phòng giảm giá hàng tồn kho bao gồm Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và đô thị dầu khí (chưa ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang không có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai vào chi phí năm năm 2017-2018); Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp và dân dụng dầu khí (chưa phân bổ chi phí lợi thế kinh doanh và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017-2018); Công ty cổ phần Camimex Group (chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm 2018)...

Như vậy có thể thấy có một số trường hợp doanh nghiệp niêm yết có dấu hiệu thao túng báo cáo tài chính thông qua việc ghi nhận doanh thu, chi phí không phù hợp qui định, hoặc chưa trích lập dự phòng đầy đủ cho phải thu, hàng tồn kho.

Từ kết quả trên có thể thấy số lượng báo cáo kiểm toán đưa ra ý kiến ngoại trừ nhỏ (tỷ lệ dưới 7%) và trong đó có tỷ lệ nhỏ do có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính. Tuy nhiên, có một điều người sử dụng thông tin cần lưu ý, đó là các báo cáo tài chính nhận ý kiến chấp nhận toàn phần, hoặc ý kiến ngoại trừ do phạm vi kiểm toán bị hạn chế vẫn có thể có hành vi thao túng báo cáo tài chính.

Thứ nhất, trường hợp kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán như thư xác nhận của các khoản phải thu, phải trả, giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho... Việc kiểm toán viên không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán có nghĩa là báo cáo tài chính vẫn có thể có sai sót, tuy nhiên kiểm toán viên không thu được bằng chứng để có thể chỉ rõ được các sai sót này.

Thứ hai, các báo cáo tài chính nhận ý kiến chấp nhận toàn phần cũng vẫn có thể có sai sót gây ra bởi hành vi thao túng trên báo cáo tài chính, do:

(i) Kiểm toán viên có thể không phát hiện ra các sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính do các hạn chế cố hữu của một cuộc kiểm toán, ví dụ do chọn mẫu trong kiểm toán, hoặc do các hành vi gian lận được che dấu một cách tinh vi...

(ii) Một số hành vi thao túng báo cáo tài chính có thể được chấp nhận trong chuẩn mực kế toán, ví dụ

thao túng báo cáo tài chính thông qua các giao dịch thực tế, như cắt giảm chi phí nghiên cứu, thanh lý tài sản, hoặc qua các khoản dồn tích do áp dụng xét đoán của nhà quản lý, do vậy không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán.

4.2. Nhận biết thao túng lợi nhuận qua chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán

Lý giải chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán báo cáo tài chính là câu chuyện mà các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán cần thực hiện. Quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, các doanh nghiệp niêm yết phải giải trình nếu có sự chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán báo cáo tài chính ở mức đáng kể. Theo thống kê của Vietstock, tính đến ngày 02 tháng 4 năm 2019 có 451 doanh nghiệp niêm yết trong số 733 doanh nghiệp niêm yết đã công bố báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 có sự chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán (Phuong Nguyễn, 2019). Có nhiều nguyên nhân được các doanh nghiệp niêm yết giải trình cho sự chênh lệch này. Dù là nguyên nhân nào đều dẫn đến làm thay đổi chỉ tiêu lãi/lỗ trên báo cáo tài chính, có thể mức lãi tăng lên hoặc lãi giảm đi, nếu đang lỗ thì lỗ nhiều hơn hoặc giảm lỗ, hoặc đang từ lỗ chuyển thành lãi và ngược lại. Quan sát thực tế việc công bố thông tin của các công ty niêm yết trong 3 năm gần đây (từ 2017-2019), cho thấy rõ các xu hướng và nguyên nhân chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán.

Thực tế, sau mùa kiểm toán năm 2018 được công bố, nhiều doanh nghiệp niêm yết đã phải giải trình chỉ tiêu lãi ròng trên báo cáo tài chính. Kết quả công bố báo cáo tài chính sau kiểm toán cho thấy nhiều doanh nghiệp niêm yết có chỉ tiêu lãi ròng tăng mạnh, từ 1 tới gần 10 lần so với con số công bố ban đầu nếu xét theo mức % tăng, hoặc hàng chục tỷ đồng nếu xét theo giá trị tuyệt đối.

Bảng 4 cho thấy nguyên nhân được các doanh nghiệp niêm yết giải trình phần lớn do phải điều chỉnh lại việc ghi nhận doanh thu (tăng doanh thu), đồng thời điều chỉnh giá vốn hàng bán (giảm) hoặc điều chỉnh mức trích lập dự phòng rủi ro cho hàng tồn kho, các khoản công nợ và đầu tư.

Bên cạnh việc chênh lệch số liệu làm tăng lãi sau kiểm là xu hướng doanh nghiệp giảm lãi sau kiểm toán (Bảng 5).

Bảng 4: Top 10 doanh nghiệp tăng lãi sau kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Mã chứng khoán	Số liệu báo cáo tài chính năm				Nguyên nhân chênh lệch
	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)	
UNI	22	181	159	722,73	Giảm chi phí lãi vay (từ 553 triệu đồng xuống còn 175 triệu đồng); doanh thu tài chính tăng lên (từ 1 tỷ đồng lên 1,5 tỷ đồng)
OIL	5.499	33.675	28.176	512,38	
TNI	3.624	12.830	9.206	254,03	
HAG	52.549	117.507	64.958	123,61	Điều chỉnh giảm chi phí quản lý, giảm lỗ từ hoạt động khác và tăng doanh thu tài chính
ABI	96.133	171.798	75.665	78,71	Doanh thu tăng 178 tỷ đồng (14%)
TC6	25.045	41.313	16.268	64,96	
BSR	183.345	250.790	67.445	36,79	Giảm giá hàng tồn kho giảm 56 tỷ đồng; giảm giá dài hạn giảm 16 tỷ đồng

Nguồn: VietstockFinance từ Phuong Nguyễn (2019).

Quan sát một doanh nghiệp giải trình là HVG (Bảng 5) cho thấy đã ghi nhận giảm gần 92% lãi sau kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018, chỉ còn công bố số lãi 1,5 tỷ đồng. HVG là công ty đã 3 năm liên tiếp phải điều chỉnh số liệu sau kiểm toán báo cáo tài chính. HVG cho biết nguyên nhân chênh lệch của năm 2018¹ là từ lỗ lũy kế tăng 215 tỷ đồng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (chưa hợp nhất), theo đó các số chênh lệch được giải trình như sau:

- Chi phí tài chính tăng 201.808.510.284 đồng Việt Nam (VND), chủ yếu là do: Tăng tương ứng với nghiệp vụ lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty liên kết, liên doanh theo Thông tư 228 với số tiền là 208.454.789.049 VND; Tăng do ghi nhận thêm chi phí vay với số tiền 10.721.511.964 VND; và Phân loại lại giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính liên quan đến chênh lệch đánh giá lại

Bảng 5: Top 10 doanh nghiệp giảm lãi sau kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Mã chứng khoán	Lãi ròng		Chênh lệch dữ liệu trước và sau kiểm toán	%
	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán		
HVG	18.586	1.502	17.085	91,9
WSS	72.801	44.993	27.808	38,2
TDH	174.910	115.425	59.485	34,0
PET	165.187	113.081	52.106	31,5
HMC	113.786	98.184	15.602	13,7
C32	105.128	92.446	12.682	12,1
KSV	93.487	84.553	8.934	9,6
YEG	155.718	140.913	14.805	9,5
TDC	132.112	119.663	12.449	9,4
SCR	235.784	214.579	21.205	9,0

Nguồn: VietstockFinance từ Phương Nguyễn (2019).

các khoản mục có gốc ngoại tệ với số tiền là 19.083.722.607 VND.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp bị điều chỉnh tăng 14.855.518.323 VND chủ yếu do việc trích lập bổ sung dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo Thông tư 228.

Ngoài ra, việc chênh lệch số liệu sau kiểm toán có thể khiến các doanh nghiệp từ báo cáo lãi sang lỗ như các công ty có mã chứng khoán: LO5, V21, VTS và TNS, có trường hợp từ báo cáo lỗ sang lãi như LEC do điều chỉnh tăng doanh thu tài chính. Các công ty có số lỗ tiếp tục lỗ thêm cũng khá phổ biến.

Nguyên nhân chênh lệch số liệu được quan sát cho thấy do giá vốn hàng bán tăng từ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển, điều chỉnh giảm doanh thu tài chính, chi phí tài chính tăng từ trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng... (ICF). Ngược lại, một số doanh nghiệp giảm lỗ sau kiểm toán báo cáo tài chính như AGF, S72...

Mùa công bố báo cáo kiểm toán 2019 tiếp tục có sự giải trình chênh lệch lớn giữa số liệu lợi nhuận trên báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán, lãi giảm sâu, lãi thành lỗ sau kiểm toán (Bảng 7).

Bảng 6: Top 10 doanh nghiệp tăng lỗ sau kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018

Mã chứng khoán	Số liệu báo cáo tài chính năm 2018 (triệu đồng)			
	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
NCP	(375.644)	(414.029)	(38.385)	10,22
RCC	(57.160)	(87.247)	(30.087)	52,64
PHH	(22.886)	(46.006)	(23.120)	101,02
ICF	(3.782)	(24.953)	(21.171)	559,78
HNG	(646.370)	(659.150)	(12.780)	1,98
VPK	(27.186)	(39.857)	(12.671)	46,61
TCR	(107.592)	(114.207)	(6.615)	6,15
ATG	(6.634)	(11.872)	(5.238)	78,96
LDP	(16.870)	(20.012)	(3.142)	18,62
NOS	(333.090)	(336.214)	(3.124)	0,94

Nguồn: VietstockFinance từ Phương Nguyễn (2019).

Các nguyên nhân được quan sát cho các giải trình chênh lệch báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2019 lặp lại phổ biến các nguyên nhân do trích lập các khoản dự phòng đầu tư, nợ khó đòi, điều chỉnh kết số liệu từ công ty liên kết, hoặc phải điều chỉnh ghi nhận doanh thu, chi phí. Quay trở lại các năm trước đó, theo nghiên cứu của Nguyễn Trọng Hiếu (2020), sau khi tổng kết chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán báo cáo tài chính (các sai sót) trên mẫu khảo sát 600 doanh nghiệp niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và HOSE (không bao gồm các tổ chức tài chính, ngân hàng và bảo hiểm), giai đoạn công bố báo cáo tài chính từ năm 2012 đến 2016, đã rút ra một số kết luận:

- Chênh lệch số liệu trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp niêm yết là phổ biến cả về số lượng doanh

Bảng 7: Lợi nhuận sau thuế giảm lãi hoặc lỗ sau kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019

Mã chứng khoán	Số liệu báo cáo tài chính năm 2019 (triệu đồng)				Lý do chênh lệch
	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)	
CLG	(99,50)	(208,40)	(108,90)	109,45	Bổ sung giá vốn và tăng trích lập dự phòng.
PVX	(198,30)	(213,60)	(15,30)	7,72	
HNG	(2.308,00)	(2.426,00)	(118,00)	5,11	Trích thêm dự phòng với hợp đồng hợp tác kinh doanh của công ty con.
PTL	1,30	0,80	(0,50)	(38,46)	
TTF	(804,00)	(897,00)	(93,00)	11,57	Chi phí khác tăng do phân loại lại khấu hao không sử dụng. Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết tăng
CII	720,00	1.956,00	1.236,00	171,67	Khác biệt về quan điểm giữa công ty kiểm toán và CII về ghi nhận doanh thu, chi phí.
CMX	140,40	41,10	(99,30)	(70,73)	Tăng trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho; và doanh thu tài chính giảm mạnh khi phần cổ tức, lợi nhuận được chia không còn được ghi nhận.
HLC	50,60	20,20	(30,40)	(60,08)	
KLF	12,00	1,40	(10,60)	(88,33)	Trích lập bổ sung một số khoản phải thu và dự phòng đầu tư vào công ty liên kết.
HVT	55,90	44,10	(11,80)	(21,11)	
HLC	50,60	20,20	(30,40)	(60,08)	
IDC	421,70	344,70	(77,00)	(18,26)	Giảm doanh thu tài chính do báo cáo tài chính tự lập chưa bù trừ khoản cổ tức năm 2018 được nhận từ Dakmil và các công ty khác.
HVG	(476,00)	(1.075,00)	(599,00)	125,84	Tăng giá vốn, tăng trích lập dự phòng nợ khó đòi, tăng xử lý nguyên vật liệu kém phẩm chất, tăng chi phí bán hàng ...

Nguồn: Tổng hợp từ Khắc Lâm & Hà Nguyễn (2020).

ngiệp và quy mô sai sót. Trong đó, số lượng doanh nghiệp có chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán báo cáo tài chính lên tới 80% số doanh nghiệp trong mẫu nghiên cứu; và không có chiều hướng giảm qua 5 năm (giai đoạn 2012-2016). Chênh lệch thể hiện ở cả hai chiều: lợi nhuận trước kiểm toán cao hơn lợi nhuận sau kiểm toán (dao động 50% trong tổng số 600 doanh nghiệp nghiên cứu); các doanh nghiệp có lợi nhuận trước kiểm toán thấp hơn lợi nhuận sau kiểm toán chiếm khoảng 30%.

- Khác biệt số liệu trước và sau kiểm toán báo cáo tài chính được khảo sát cho thấy chủ yếu liên quan tới các chỉ tiêu như: Doanh thu, chi phí, lợi nhuận, các loại tài sản, nợ phải trả. Kết quả khảo sát cũng cho thấy tỷ lệ các doanh nghiệp có chênh lệch doanh thu trước kiểm toán cao hơn sau kiểm toán (khoảng 22%) luôn lớn hơn tỷ lệ của các doanh nghiệp có chênh lệch doanh thu trước kiểm toán thấp hơn sau kiểm toán (khoảng 19%). Tuy nhiên, so với tỷ lệ chênh lệch lợi nhuận thì tỷ lệ chênh lệch doanh thu thấp hơn nhiều theo cả hai hướng báo cáo tăng và báo cáo giảm, theo đó chênh lệch lợi nhuận chịu ảnh hưởng đáng kể của chênh lệch chi phí. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy tỷ lệ các doanh nghiệp có báo cáo chênh lệch chi phí là phổ biến và chiếm tỷ trọng lớn so với các doanh nghiệp không có báo cáo chênh lệch chi phí (thấp nhất là 71,5% vào năm 2014 và cao nhất là 79,4% vào năm 2012). Các doanh nghiệp có xu hướng báo cáo chi phí thấp hơn so với số liệu kiểm toán qua các năm (khoảng 41%), trong đó các doanh nghiệp có xu hướng báo cáo chi phí cao hơn so với số liệu kiểm toán qua các năm (khoảng 34%).

Theo Nguyễn Trọng Hiếu (2020), khác biệt số liệu lợi nhuận trước và sau kiểm toán của các doanh nghiệp không phụ thuộc vào nơi niêm yết (HNX hay HOSE) và cũng không phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh, mà là do yếu tố nội tại của doanh nghiệp như quản lý điều hành, quản trị doanh nghiệp. Kết quả phân tích hồi

quy của Nguyễn Trọng Hiếu (2020) cung cấp bằng chứng về bốn nhân tố thuộc về quản trị doanh nghiệp (Số lượng thành viên hội đồng quản trị - BSI; Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm nhiệm giám đốc - DC; số cuộc họp của hội đồng quản trị trong một năm tài chính - BME; Sở hữu của cổ đông lớn bên ngoài (trên 5%) - BIO) và một nhân tố thuộc về kiểm toán độc lập (Các doanh nghiệp có thay đổi Công ty Kiểm toán - AUCH) và một nhân tố liên quan đến thuộc tính của doanh nghiệp (Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu - ROE) có ảnh hưởng đến sai sót báo cáo tài chính.

Tóm lại, tình trạng chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán vẫn có khả năng tiếp diễn do nhiều nguyên nhân chủ quan từ phía doanh nghiệp, cũng như khách quan từ bên ngoài (bao gồm cả các chính sách kế toán). Dù do nguyên nhân nào, cũng khiến nhà đầu tư và những người quan tâm báo cáo tài chính nghi ngờ rằng liệu có sự thao túng số liệu hay không. Do đó, việc đọc kỹ các báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán cũng như giải trình của các doanh nghiệp nhằm nhận thấy cái nhìn chân thực về bức tranh tài chính của doanh nghiệp luôn là cần thiết.

5. Kết luận

Kết quả quan sát của nghiên cứu này cho thấy có dấu hiệu của hành vi thao túng lợi nhuận trên các báo cáo tài chính nhận được ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần và trên các báo cáo tài chính có chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán.

Sự khác biệt trước và sau kiểm toán có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, ví dụ, dựa trên các xét đoán của nhà quản lý doanh nghiệp, do trình độ, nhận thức của kế toán, do sự sẵn có của các thông tin liên quan tại thời điểm trước và sau kiểm toán, do mức độ thận trọng khác nhau giữa kiểm toán viên và doanh nghiệp; và cũng có thể là dấu hiệu cho thấy hành vi thao túng số liệu của doanh nghiệp. Hiện tượng khác biệt xảy ra phổ biến, giá trị lớn qua nhiều năm cũng cho thấy chất lượng báo cáo tài chính trước kiểm toán còn nhiều vấn đề... Trong nghiên cứu tới, nhóm nghiên cứu sẽ có những khảo sát sâu hơn nhằm làm rõ hơn các nguyên nhân chênh lệch này có phải là hành vi thao túng số liệu hay là do các nguyên nhân khác.

Ghi chú:

1. http://cmsv5.stoxplus.com/medialib/Crawler/2019/2019-01/2019-01-11/20190111_20180111--HVG--GT-KQKD-kiem-toan-nam-2018-rieng-va-hop-nhat.pdf

Tài liệu tham khảo:

Bộ Tài chính (2015), *Thông tư 155/2015/TT-BTC về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*, ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015.

Francis, J., Lafond, R., Olsson, P. & Schipper, K. (2005), 'The market pricing of accruals quality', *Journal of Accounting and Economics*, 39(2), 295-327.

Healy, P.M. & Wahlen, J.M. (1999), 'A review of the earnings management literature and its implications for standard setting', *Accounting horizons*, 13(4), 365-383.

Khắc Lâm (2020), *Hậu kiểm toán, tái diễn chênh lệch số liệu*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 11 năm 2020, từ <<https://tinnhanhchungkhoan.vn/hau-kiem-toan-tai-dien-chenh-lech-so-lieu-post236694.html>>.

Khắc Lâm, Hà Nguyễn (2020), *Chênh lệch số liệu kiểm toán gây lộn xộn thị trường*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 11 năm 2020, từ <<http://tapchitaichinh.vn/ke-toan-kiem-toan/chenh-lech-so-lieu-kiem-toan-gay-lon-xon-thi-truong-322923.html>>.

Nguyễn Trọng Hiếu (2020), 'Sai sót trong báo cáo tài chính của công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam', Luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

Phuong Nguyễn (2019), Đến bao giờ các con số trước và sau kiểm toán có thể tiệm cận với nhau, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 11 năm 2020, từ <<https://vietstock.vn/2019/04/den-bao-gio-cac-con-so-truoc-va-sau-kiem-toan-moi-tiem-can-voi-nhau-737-667447.htm>>.

Roychowdhury, S. (2006), 'Earnings management through real activities manipulation', *Journal of Accounting and Economics*, 42(3), 335-370.